

Bản án số: 55 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp  
nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Thu Ngát;  
2. Bà Hoàng Thị Hải Yên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Tuyết M**, sinh năm 1991 - (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: **Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

- Bị đơn: Anh **Giáp Văn T**, sinh năm 1984 - (vắng mặt).

Nơi cư trú: **Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến chị **Lương Tuyết M** trình bày:

Qua giới thiệu từ bạn bè vợ chồng chị quen biết nhau, tìm hiểu một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào ngày 08/3/2010. Sau đó tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và chung sống cùng bố mẹ chồng ở **thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc đến năm 2019, thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau ảnh hưởng đến sự phát triển học hành của con cái. Đến tháng 4/2024 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đi làm ăn xa và chỉ về nhà thăm con, vợ chồng

sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh **Giáp Văn T**. Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011 và cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu **T1** và giao cháu **H** cho anh **T** chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh **Giáp Văn T** không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

\* Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2024 chính quyền địa phương **xã Đ** cung cấp như sau: Chị **Lương Tuyết M** và anh **Giáp Văn T** tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Chị **M**, anh **T** chung sống với nhau ở **thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của chị **M**, anh **T** nhưng hiện tại chị **M**, anh **T** đang sống ly thân. Vợ chồng chị **M**, anh **T** có 02 con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011 và cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016, hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với anh **T**. Chị **M**, anh **T** không thuộc các trường hợp được trợ pháp pháp lý nhà nước và không thuộc đối tượng được miễn án phí.

\* Tại biên bản làm việc ngày 01/8/2024 đối với bà **Nguyễn Thị T2** cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của anh **Giáp Văn T**. Anh **T**, chị **M** trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** năm 2010, tổ chức hôn lễ và chung sống ở địa phương. Anh **T**, chị **M** chung sống hòa thuận đến tháng 2/2024 thì xảy ra mâu thuẫn do chị **M** đang đi làm công ty nhưng có nói chuyện với anh **T** là có ý định đi học nghề để sau về bán bún rồi nghỉ làm công ty, anh **T** không đồng ý với việc chị **M** đi học nghề để về bán bún vì nghề đó không ổn định và chị **M** không nghe nên bất đồng quan điểm, ngoài ra anh **T**, chị **M** có mâu thuẫn gì khác không thì tôi không nắm được. Anh **T**, chị **M** sống ly thân từ tháng 4/2024. Vợ chồng anh **T**, chị **M** có 02 con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011 và cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016. Hiện nay 02 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và ở cùng anh **T** và bà. Bà cho biết ý kiến của bà nếu anh **T**, chị **M** ly hôn thì mong Tòa án giao cháu **H**, cháu **T1** cho anh **T**.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2024 đối với cháu **Giáp Quang T1** cho biết như sau: Cháu là con của bố **Giáp Văn T**, mẹ **Lương Tuyết M**, cháu đang đi học và ở cùng với bố và ông bà nội, trong cuộc sống hàng ngày thì bố mẹ có xảy ra to tiếng, hiện nay thì mẹ không ở cùng bố nữa mà chỉ thỉnh thoảng về thăm cháu. Cháu được thông báo bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, cháu mong tòa hòa giải để bố mẹ cháu về với nhau nhưng nếu không được thì sau khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là chị **Lương Tuyết M**.



Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2024 đối với cháu **Giáp Quang H** (là con trai anh **Giáp Văn T**, chị **Lương Tuyết M**) cho biết như sau: Hiện nay bố mẹ cháu không còn ở chung với nhau nữa, bố mẹ cháu ly thân. Cháu và em trai (**Giáp Quang T1**) đang ở cùng bố và ông bà nội ở **thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn của bố mẹ cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở cùng bố là **Giáp Văn T**.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Áp dụng khoản 1 Điều 5, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị **Lương Tuyết M** được ly hôn với anh **Giáp Văn T**.

Về nuôi con: Giao cho chị **Lương Tuyết M** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016; Giao cho anh **Giáp Văn T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị **M** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **M** xin ly hôn anh **T**; Anh **T** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y, tỉnh Bắc Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **M**, anh **T**; Chị **M** vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh **T** vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **M**, anh **T**.

## **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **M**, anh **T** có đăng ký kết hôn ngày 08/3/20210 tại UBND xã **Đ**, huyện **Y**, tỉnh **Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **M**, lời khai của bà **T2** là mẹ đẻ anh **T**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **M**, anh **T** xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau ảnh hưởng đến sự phát triển học hành của con cái, hiện tại vợ chồng chị **M**, anh **T** đã sống ly thân. Chị **M** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **T**. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh **T** nhưng anh không đến, anh **T** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày về việc chị **M** yêu cầu ly hôn nên chị **M** xin ly hôn anh **T** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng chị **M**, anh **T** có 02 con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011 và cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016. Hiện hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang đi học. Cháu **H** có nguyện vọng ở với anh **T** và hiện tại cháu **H** đang học trung học cơ sở và ở cùng anh **T** nên để giữ ổn định cuộc sống, việc học của cháu cần giao cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011 cho anh **T** chăm sóc nuôi dưỡng. Chị **M** có nguyện vọng nuôi cháu **Giáp Q** Tới và Tòa án lấy ý kiến cháu **T1** thì cháu cũng có nguyện vọng ở cùng mẹ nên cần giao cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016 cho chị **M** chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị **Lương Tuyết M** chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147;



điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lương Tuyết M**: Xử cho chị **Lương Tuyết M** được ly hôn anh **Giáp Văn T**.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị **Lương Tuyết M** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Giáp Quang T1**, sinh ngày 12/7/2016; Giao cho anh **Giáp Văn T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Giáp Quang H**, sinh ngày 14/01/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị **Lương Tuyết M** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **M** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005000 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị **Lương Tuyết M** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Hồng Thảo**